

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2020/DS - PT

Ngày: 13/5/2020

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2019/DS – ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2020/QĐ – PT ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1932;

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1938;

Địa chỉ: 186/AT, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1936;

5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942;

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại theo ủy quyền của bà T1, bà H1, bà A, bà Đ:* Bà Nguyễn Thị T. (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2015) (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H:* Luật gia Lê Châu T – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị H2, chị P:* Chị Nguyễn Thị Ánh H (Văn bản ủy quyền ngày 01/02/2016)

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1963;

4. Chị Nguyễn Thị Yên N, sinh năm 1993;

5. Chị Nguyễn Thị Diễm T3, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

6. Ủy ban nhân dân huyện G.

Địa chỉ: thị trấn Giồng trôm, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn B S - Chủ tịch.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Tấn H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2019)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Ánh H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ Nguyễn Thị Ánh H2, Nguyễn Thị Ánh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T cùng trình bày:

Cha, mẹ bà là ông Nguyễn Văn C (chết năm 1993) và bà Lê Thị N1 (chết năm 1977). Ông C và bà N1 có tất cả 08 người con gồm Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 2006), Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn B1 (chết năm 1972, không vợ con), Nguyễn Văn B (chết năm 1987) và Nguyễn Thị T. Sau khi cha các nguyên đơn chết có để lại một phần đất có diện tích khoảng 1000 m², tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre và căn nhà thờ trên đất. Về nguồn gốc phần đất này là của ông bà để lại cho cha các nguyên đơn cất nhà và sinh sống ổn định từ trước năm 1975 đến khi chết. Sau khi cha chết, các nguyên đơn thay nhau chăm sóc, quản lý căn nhà thờ.

Năm 1994, bà H là con ruột ông Nguyễn Văn Đ1 bán đất và nhà riêng ở ấp G, xã B1 về nhà cha mẹ các nguyên đơn ở nhưng không thường xuyên mà lên xuống nhà riêng của chồng bà H tại ấp H, xã B, huyện G ở để làm ruộng.

Năm 2003, bà H dựa vào việc ở tại căn nhà thờ để đăng ký kê khai và Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 18, tờ bản đồ 27, diện tích 1.128,8 m² cho hộ bà H nhưng không có sự đồng ý của chị em nguyên đơn, do đó hai bên xảy ra tranh chấp kéo dài cho đến nay. Hai bên đã nhiều lần thương lượng nhưng không thành.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ánh H phải trả phần đất có diện tích 1.128,8 m² thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 27 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H đối với phần đất có diện tích 1.128,8 m² thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 27 để các nguyên đơn được quản lý và sử dụng phần đất này vì đây là đất hương hỏa và có căn nhà thờ của ông bà.

Nguyên đơn không đồng ý bồi thường số tiền 36.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H vì cho rằng không có đập phá ngôi nhà của bà H. Còn đối với yêu cầu chia phần đất trên thành 08 phần theo yêu cầu của bà H cũng không đồng ý vì đây là đất do cha các nguyên đơn để lại để làm đất hương quả.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh H có lời trình bày:

Chị đồng ý phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông nội bà là ông Nguyễn Văn C gồm đất vườn và thổ cư có diện tích 1.128,8 m² thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 27. Phần đất này có một căn nhà cây vách ván, lợp ngói nơi ông nội chị sống với chú chị là ông Nguyễn Văn B. Năm 1987, ông B qua đời, ông nội chị không có người chăm sóc nên kêu chị và chồng về sống chung tại nhà này để chăm sóc ông nội. Vợ chồng chị về căn nhà này sống từ cuối năm 1987 cho đến năm 1993 thì ông nội chị qua đời. Sau khi ông bà qua đời thì vợ chồng chị vẫn tiếp tục ở lại để lo việc cúng giỗ cho ông bà và cũng không có ai tranh chấp với chị. Năm 1996, nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất trên cho hộ gia đình gồm chị, chồng chị và hai người con

của chị và do chị đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1999, vợ chồng chị sửa chữa ngôi nhà này từ nhà cây, vách ván thành nhà xây tường, mái ngói, kèo và đòn tay bằng cây thau lau. Năm 2003, chị được cấp đổi lại sổ mới theo chủ trương của nhà nước. Đến năm 2004, các cô chị bắt đầu tranh chấp phần đất này và đuổi gia đình chị không cho sinh sống trong căn nhà này nữa và đập phá bỏ căn nhà tường mà chị xây dựng và xây lại một ngôi nhà mới kiên cố hơn như hiện nay. Chị có báo với chính quyền địa phương về sự việc khi chị đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai tranh chấp sau đó lại tranh chấp và phá hỏng ngôi nhà của chị xây dựng, nên nay theo yêu cầu của phía nguyên đơn thì chị không đồng ý. Do đất có nguồn gốc của ông nội chị chết không để lại di chúc vì vậy chị có yêu cầu phản tố yêu cầu chia phần đất trên thành 08 phần, mỗi người con của ông nội chị gồm bà T1, bà A, bà H1, bà Đ, ông B và bà T mỗi người được nhận một phần (tổng cộng là 06 phần), chị yêu cầu được nhận một phần của ông Đ1 và 01 phần do đã có công chăm sóc ông C lúc già yếu, giữ gìn tài sản và khi ông bà mất thì chị vẫn có công sức khi ở lại để cúng giỗ ông, bà.

Ngoài ra chị còn yêu cầu phía nguyên đơn phải bồi thường cho chị số tiền 36.000.000 đồng tương đương với giá trị ngôi nhà mà phía nguyên đơn đã đập phá.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2019/DS – ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên:

1. Không chấp nhận các yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu đòi lại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 27, có diện tích 1.110,9 m², loại đất ONT và CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre và về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp cho cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H có số vào sổ 00950QSĐĐ/997/QĐUB ngày 20/5/2003.

2. Chia thừa kế phần đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 27, có diện tích 1.110,9 m², loại đất ONT và CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T. Đất có tứ cận như sau:

Nam giáp thửa 26, tờ bản đồ số 27;

Bắc giáp đường Trùng Sinh;

Đông giáp thửa 19, 21, 22, tờ bản đồ số 27;

Tây giáp đường đi.

(Có kết quả đo đạc thửa đất kèm theo bản án và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Buộc bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Thị Ánh H2 và Nguyễn Thị Ánh P số tiền 59.271.840 đồng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H có số vào sổ 00950QSDD/997/QĐUB ngày 20/5/2003 để cấp lại cho những người đồng thừa kế của ông C gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị A cho phù hợp với án tuyên.

3. Đình chỉ các yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ánh H về việc yêu cầu các nguyên đơn chia thừa kế phần đất diện tích 1.110,9 m² thành 08 phần bằng nhau và về việc yêu cầu các nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền 36.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2019 chị Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Thị Ánh H2, Nguyễn Thị Ánh P kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án, sửa án án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H trình bày: Do cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng, cụ thể bà T không có yêu cầu chia thừa kế mà cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế là không đúng. Chị H không có đóng tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố bổ sung là chia thừa kế mà cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết cũng chưa phù hợp. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Bà T không đồng ý kháng cáo của bà H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H, khắc phục bản án sơ thẩm, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tạm giao di sản của ông C cho bà T quản lý, các bên đương sự có quyền yêu cầu chia thừa kế bằng vụ kiện khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều thống nhất đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C là cha của bà Nguyễn Thị T và là ông nội của chị Nguyễn

Thị Ánh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị H cho rằng đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Đ1, cha chị H, để lại cho chị nhưng chị cũng không có giấy tờ chứng minh. Theo nguyên đơn, sau khi cụ Nguyễn Văn C chết có để lại một phần đất có diện tích khoảng 1000 m², tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre và căn nhà thờ trên đất đã có từ trước. Các nguyên đơn thay nhau chăm sóc, quản lý ngôi nhà thờ, tuy nhiên cụ C không có để lại di chúc hay bất kỳ giấy tờ về việc chuyển quyền hay ủy quyền việc sử dụng đất cho các nguyên đơn. Theo bị đơn, năm 1987, ông B là chú bị đơn qua đời, cụ C (ông nội bị đơn) không có người chăm sóc nên kêu vợ chồng chị H về sống chung tại ngôi nhà trên đất tranh chấp để chăm sóc cụ C. Vợ chồng chị H về ngôi nhà này sống từ cuối năm 1987 cho đến năm 1993 thì cụ C qua đời. Sau khi cụ C chết, vợ chồng chị H vẫn tiếp tục ở tại căn nhà nêu trên để lo việc cúng giỗ cho ông bà và khi đó không có ai tranh chấp. Năm 1996, nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất trên cho hộ gia đình chị H gồm chị, chồng chị và hai người con của chị, do chị H đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1999, vợ chồng chị H sửa chữa ngôi nhà trên đất từ nhà cây, vách ván thành nhà xây tường, mái ngói, kèo và đòn tay, cây thau lau. Năm 2003, chị H được cấp đổi lại sổ mới theo chủ trương của nhà nước. Đến năm 2004, các cô của chị H bắt đầu tranh chấp phần đất này và đuổi gia đình chị không cho sinh sống trong căn nhà này nữa, đập phá bỏ căn nhà tường mà chị xây dựng và xây lại một ngôi nhà mới kiên cố hơn như hiện nay. Như vậy, các bên đương sự thống nhất đất tranh chấp từ thời điểm bà T khởi kiện (năm 2015) đến hiện tại chị H không còn quản lý, sử dụng mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ chị Nguyễn Thị Ánh H và người hiện đang quản lý, sử dụng đất là các nguyên đơn, trong khi đó các nguyên đơn lại khởi kiện yêu cầu chị H trả lại diện tích đất tranh chấp. Đáng lẽ ra Tòa cấp sơ thẩm phải giải thích cho đương sự vụ kiện không thuộc thẩm quyền của Tòa án và không thụ lý giải quyết mà cấp sơ thẩm lại thụ lý và giải quyết là không đúng thẩm quyền.

[2] Về phần tố của bị đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C và bồi thường thiệt hại, do bị đơn chị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Hồng và chị Phụng, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết toàn bộ phần tố của bị đơn là phù hợp, kháng cáo của chị H, chị Hồng, chị Phụng là không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần thiết hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần đình chỉ giải quyết phần tố của chị H.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Ánh H phải chịu án phí đối với việc đình chỉ yêu cầu phần tố do vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] Chi phí tố tụng: 4.355.000 đồng, các nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu số tiền 2.177.500 đồng và ghi nhận đã nộp tạm ứng xong.

[6] Do bản án bị hủy và đình chỉ giải quyết vụ án nên chị H, chị H2, chị P không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2019/DS – ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên phần còn lại của bản án sơ thẩm đối với phần đình chỉ phản tố của bị đơn.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 217, điểm 2 khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu đòi lại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 27, có diện tích 1.110,9 m², loại đất ONT và CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre và về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp cho cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H có sổ vào sổ 00950QSDĐ/997/QĐUB ngày 20/5/2003.

2. Đình chỉ các yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Ánh H về việc yêu cầu các nguyên đơn chia thừa kế phần đất diện tích 1.110,9 m² thành 08 phần bằng nhau và về việc yêu cầu các nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền 36.000.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng: 4.355.000 đồng, các nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu số tiền 2.177.500 đồng và ghi nhận đã nộp tạm ứng xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các nguyên đơn được miễn án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.535.000 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015725 ngày 02/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T.

- Sung quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí của chị Nguyễn Thị Ánh H đã nộp là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017193 ngày 20/02/2017 và 1.527.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017192 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Ánh H không phải chịu án phí, hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho chị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007520 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị Ánh H2 không phải chịu án phí, hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho chị Hồng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007521 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị Ánh P không phải chịu án phí, hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho chị Phượng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007522 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương